

Lexos Family	Lexos DR	Lexos A+	Lexos VR
Loạn nhịp phát hiện	nhịp chậm, nhịp sinh lý, VT-1, VT-2, VF		
Độ nhạy nhĩ/thất	tự động		
Phát hiện và tái phát hiện nhịp nhanh thất			
Chu kỳ thời gian VT	off, 270 ... (10) ...600 ms for VT-1; off, 270 ... (10) ...500 ms for VT-2		
Tiêu chuẩn	number of intervals, onset, stability, SMART, persistent VT	number of intervals, onset, stability, SMART, persistent VT	
Số chu kỳ phát hiện và tái phát hiện	10 ... (2) .. 30		
Tiêu chuẩn kích phát (onset)	off, 4 ... (4) ... 32%		
Tiêu chuẩn độ vững (Stability)	off, ±8 ... (4) ... ±48 ms; with SMART: ±4 ... (4) ... ±24%	off, ±8 ... (4) ... ±48 ms	
Nhịp nhanh kéo dài (persistent VT)	off, 0.5, 1.0, 2.0, 3.0, 5 ... (5) ... 30 min		
SMART detection/redetection	off; on		
Phát hiện và tái phát hiện rung thất			
Chu kỳ thời gian VF	off, 200 ... (10) ... 400 ms		
Tiêu chuẩn phát hiện	X out of Y		
Số chu kỳ để phát hiện/tái phát hiện rung thất	6 ... (1).. 30 out of 8 ... (1) ... 31		
Phát hiện kết thúc			
Tiêu chuẩn	12 out of 16 intervals slower than VT-1		
Bước kết thúc	off, 1 ... (1) ... 15 min		
Thông số tạo nhịp	Nhịp chậm	Sau sốc	Nhịp nhanh
Phương thức	DDD, DDI, VDD, VDI, AAI, VVI DDDR, DDIR, VDDR, VDIR, VDIR,AAIR, VVIR, OFF	DDI when DDD(R), DDI(R), AAI(R) VDI when VDD(R), VDI(R), VVI when VVI(R), of	V00 VVIR, VVI, V000 VVI V00
Biên độ xung nhĩ/thất	7.5V 0.5 ... (0.5) ... 1.5 ms	7.5V 0.5 ... (0.5) ... 1.5 ms	0.2 ... (0.1) ...6.2, 7.5V 7.5V 7.5V
Độ rộng xung nhĩ/thất	1.5 ms	1.5 ms	0.5 ... (0.5) ... 1.5 ms 1.5 ms 1.5 ms
Nhịp căn bản	30 ... (6) ... 160 bpm	30 ... (5) ... 160 bpm	30 ... (5) ... 160 bpm 30 ... (5) ... 160 bpm 30 ... (5) ... 160 bpm
Nhịp hiện tương trẻ	off, -5 ...(-5) ... -65 bpm	off, -5 ...(-5) ... -65 bpm	off, -5 ...(-5) ... -65 bpm off, -5 ...(-5) ... -65 bpm off, -5 ...(-5) ... -65 bpm
Thời gian nhĩ-thất năng động	fixed, low, medium, high, individual	fixed: 15, 50 ... (10) ... 350 ms	fixed: 15, 50 ... (10) ... 350 ms
Nhịp theo dõi tốt đa (upper tracking rate)	90 ... (10) .. 160 bpm		
Đổi phương cách (mode switching)	DDD(R), DDI(R), VDD(R)VDI(R)		
Thời gian trễ nhĩ-thất	off, 10 ... (10) ...100 ms		
Thời gian trễ nhĩ sau thất (PVARP)	200 ... (50) ... 500 ms		
PVARP kéo dài	0 ... (25) ... 275 ms		
Phòng nhịp nhanh do bởi máy (PMT)	off, on		
Thông số bộ phận nhảy			
Nhịp tối đa với bộ phận nhảy	80 ... (5) ... 160 ppm		
Tăng nhịp	1, 2, 4, 8 bpm/s		
Hạ nhịp	0.1, 0.2, 0.5, 0.8 bpm/cycle		
Khuếch đại bộ phận nhảy	1... 40		
Khuếch đại tự động	off, on		
Ngưỡng bộ phận nhảy	very low, low, medium, high, very high		
Điều trị nhịp nhanh			
Các kích thích chống nhịp nhanh	Burst, Ramp, Burst +PES		
số lần	1... (1) ... 10, off		
Số S1	1 ... (1) ... 10		
Cộng S1	Off, on		
Thời gian R-S1	Tuyệt đối: 200 ... (10) ... 500 ms; T tương đối: 70 ... (5) ... 95%		
Nhịp dốc (ramp decrement)	5 ... (5) ... 40 ms		
Thời gian S1-S2	Tuyệt đối: 200 ... (10) ... 500 ms; T tương đối: 70 ... (5) ... 95%		
Nhịp hạ từng đợt (scan decrement)	off, 5 ... (5) ... 40 ms		
Thời gian tối thiểu giữa các xung	200 ... (5) ... 300 ms		
Điều trị chuyển nhịp và phá rung			
Sốc	VT zones: off, 1...(1) ... 8; VF zone: 6...(1) ... 8		
Loại sốc	biphasic; biphasic2		
Cực tính	normal, inverse		
Năng lượng	sốc đầu: 5 ... (1) ... 11, 13, 14, 15, 17, 18, 20, 21, 23, 25, 26, 28, 30 J; sốc 2 đến n: 30 J		
Chứng thực	sốc đầu: on, off; các sốc sau: off		
Tạo nhịp sau sốc	0 ... (10) ... 50 s; 1 ... (1) ... 10 min		
Phích dây điện cực			
Tạo nhịp/ nhận cảm	IS-1 bipolar (2x)	IS-1 bipolar	
sốc	DF-1 (2x)		
Chức năng chẩn đoán			
Holter điện tim	60 min		
Thời gian thâu	1, 2, 4 min		
kênh	thất; nhĩ + thất	thất; thất, HV1-HV2	

Thời gian trước cơn loạn nhịp	10 ... (4) ... 50s		
Điện tim nhịp nhanh trên thất	off, at detection, at detection and termination		
Holter thời gian	4, 7, 15, 30, 60 phút, 24 h		
Các thời gian	PP-PR-RP-RR		
Ghi lại thời gian các nhịp nhanh trên thất	off, at detection		
Hộp máy			
Kích thước	67 x 55 x 11.8 mm		
Khối lượng/ trọng lượng	31 cc/ 78 g		
Kim loại	Titanium		